

Số: 15/2018/QĐST-DS

Bắc Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 125/2018/TLST- DS ngày 06/6/2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó. Ngày 07/9/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân B và bà Trương Thị T vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 06/9/2018 đã có văn bản đồng ý với thỏa thuận của các bên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số X, phố B, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Chi, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ; bà Hoàng Thị Kim Anh, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 458/2018/UQ-TCB ngày 14/5/2018 của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam)

* Đồng bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965

2. Ông Nguyễn H, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Số nhà X, đường T, tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1938

2. Bà Trương Thị T, sinh năm 1941.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số Z, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: .

2.1 Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng) tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số BGN 2014 181/HĐTD ngày y 02/12/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 05/12/2014 tính đến hết ngày 05/9/2018 là 451. 684.666 VNĐ (*bằng chữ: Bốn trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*) trong đó tiền gốc là 337.503.000VNĐ; tiền lãi là 114.181. 666 VNĐ và toàn bộ tiền lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số BGN2014 181/HĐTD ngày 02/12/2014 kể từ ngày 06/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thời gian trả cụ thể như sau:

Ngày 05/10/2018 (dương lịch) trả 10.000.000đồng tiền gốc.

Ngày 05/11/2018 (dương lịch) trả 10.000.000đồng tiền gốc.

Ngày 05/12/2018 (dương lịch) trả 10.000.000đồng tiền gốc.

Ngày 05/01/2019 (dương lịch) trả 10.000.000đồng tiền gốc.

Ngày 05/02/2019 (dương lịch) trả 10.000.000đồng tiền gốc.

Ngày 05/3/2019 (dương lịch) trả số tiền gốc còn lại là 287.503.000VNĐ; số tiền lãi tính đến hết ngày 05/9/2018 là 114.181.666 VNĐ và toàn bộ tiền lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số BGN2014 181/HĐTD ngày 02/12/2014 kể từ ngày 06/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. 2.Trường hợp ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B vi phạm bất cứ kỳ hạn trả nợ nào theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành đối với toàn bộ vụ án.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án lập biên bản hòa giải thành khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2. 3. Nếu ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 93m² đất và toàn bộ tài sản trên đất có địa chỉ tại tổ dân phố số 1, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh Bắc

Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H03491/QĐ số 1396/QĐ-UBND q19.T103 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 25/4/2014 người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Xuân B bà Trương Thị T đã tặng cho bà Nguyễn Thị B theo Văn bản công chứng tại Văn phòng công chứng Đ&T số công chứng số 769/2014 quyền số 06/TP/CC ngày 17/7/2014 theo Hợp đồng thế chấp số BGN2014 120/HĐTC các bên đã ký kết ngày 02/12/2014.

2.4. Về án phí:

- Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B phải chịu 11.033.693đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.473.000đồng theo biên lai số AA/2012/06792 ngày 31/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

2.5. Về chi phí tố tụng:

- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam phải chịu 2000.000đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng được trừ vào số tiền 2000.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp theo biên bản ngày 30/7/2018. Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS ;
- VKS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Ngô Thị Thanh Hảo

